

Bản án số: 813/2024/HC-PT

Ngày 01-8-2024

V/v “Khiếu kiện Quyết định bồi thường,
hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết
định giải quyết khiếu nại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nối - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 365/2024/TLPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “*Khiếu kiện Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2023/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2191/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Quách Văn B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu phố G, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A, đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H1 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh H2– Chức vụ: Phó Trưởng ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P; (có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường N, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; (xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, đường C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố P là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Quách Văn B và người đại diện trình bày:

Ông B có diện tích đất 11.680,75m² tại tổ F, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất do ông B khai khẩn vào năm 1996. Sau khi khai khẩn thì ông B có cất một căn nhà để ở, quản lý và canh tác đất.

Ngày 31/8/2006, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) ra Quyết định số 2505/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất nêu trên của ông Quách Văn B để thực hiện Dự án khu dân cư và đô thị mới S.

Sau khi thu hồi đất ông B không được bồi thường quyền sử dụng đất mà chỉ được bồi thường công lên bờ bao số tiền là 279.500 đồng. Ông B đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 10/8/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có tổ chức gặp gỡ, đối thoại để giải quyết khiếu nại của ông B. Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 3862/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông B nhưng ông B không nhận được Quyết định này.

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 6890/QĐ-UBND về việc bổ sung hỗ trợ đất đai cho ông B. Qua đó, ông B mới biết được chính xác phương án bồi thường hỗ trợ cho ông B. Số tiền ông B được nhận là 336.405.600 đồng.

Ông B không đồng ý với Quyết định số 6890/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân T. Vì diện tích đất ông B bị thu hồi có nguồn gốc được khai khẩn từ năm 1996, chính quyền thì xác định sử dụng từ năm 1999. Đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/5/2007 của Chính phủ, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố P chỉ hỗ trợ mà không bồi thường là không đúng quy định của pháp luật.

Ông B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P phải ra Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông B đối với diện tích đất bị thu hồi 11.680,75m² theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2006.

Tại Văn bản ngày 10/8/2023, Ủy ban nhân dân thành phố P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến đối với đơn kiện của ông Quách Văn B như sau:

Diện tích 11.680,75m² tại ấp S, xã D, huyện P là một phần trong diện tích 33.307,82m² do Ban Q quản lý theo Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Căn cứ vào xác minh của cơ quan chuyên môn thì năm 1999 ông B vào khu vực đất này phát dọn, đào bờ bao xung quanh để giữ đất, không trồng trọt, chỉ cất một căn chòi tạm để ở, đến năm 2004 ông B về quê tỉnh Cà Mau ở cho đến năm 2009 trở lại P.

Ngày 31/8/2006, Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 2505/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với ông Quách Văn B diện tích 11.680,75m² tại ấp S, xã D, huyện P để thực hiện Dự án khu tái định cư tại thị trấn A, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21/5/2010, Ủy ban nhân dân huyện P phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án khu tái định cư 202 ha tại Quyết định số 1060/QĐ-UBND, ông B không được xét hỗ trợ quyền sử dụng đất theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K và không được bồi thường quyền sử dụng đất.

Ngày 31/7/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 3862/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Quách Văn B.

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 6890/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đất đai cho ông Quách Văn B với số tiền 336.405.600 đồng. Việc ban hành hỗ trợ là căn cứ theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 3862/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P và Thông báo số 518/TB-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Từ cơ sở trên việc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định hỗ trợ quyền sử dụng đất cho ông B bằng 40% giá đất rừng sản xuất là phù hợp theo quy định tại Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định hỗ trợ bổ sung đối với ông Quách Văn B cho đủ số tiền 40% giá đất rừng sản xuất theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung hỗ trợ đất đai cho ông Quách Văn B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là người bị kiện kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác phần nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra quyết định hỗ trợ bổ sung đối với ông Quách Văn B cho đủ số tiền 40% giá đất rừng sản xuất theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang là người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị kiện là UBND thành phố P trình bày: Vào năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh K có Bảng giá đất quy định giá đất rừng sản xuất, do tình trạng ở P có khối lượng công việc rất lớn nên chậm giải quyết chế độ hỗ trợ cho ông B, nên ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định 6890 hỗ trợ cho ông B bằng 50% x giá đất CLN là phù hợp với Quyết định số 03/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người đại diện theo ủy quyền của Quách Văn B là ông Nguyễn Văn H trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là có cơ sở, kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P không có chứng cứ gì mới đề nghị bác kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các đương sự được triệu tập hợp lệ, có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét

xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc hỗ trợ đất đai cho ông Quách Văn B đối với phần đất thu hồi 11.680,75 m² để thực hiện Dự án khu tái định cư 202ha tại thị trấn A, xã D, huyện P. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Ông B có đơn khởi kiện và được Tòa án nhận đơn khởi kiện vào ngày 09/3/2023 là chưa hết thời hạn một năm kể từ ngày nhận được quyết định hành chính 6890. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và trong thời hạn khởi kiện được quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 về việc thu hồi đất 11.680,75m² của ông Quách Văn B; Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 202ha và Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Quách Văn B là các quyết định hành chính có liên quan trực tiếp đến Quyết định mà ông B khởi kiện nên vẫn là đối tượng xem xét cùng với Quyết định bị khởi kiện trong vụ án theo khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông Quách Văn B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 về việc thu hồi đất 11.680,75m² của ông Quách Văn B; Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 21/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện P phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư 202ha và Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Quách Văn B; Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 có nội dung hỗ trợ bổ sung đất đai cho ông Quách Văn B là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 62, 69 Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Về diện tích đất 11.680,75m² của ông Quách Văn B bị thu hồi tại Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện P có nguồn gốc do ông Quách Văn B khai khẩn năm 1999, ông B không được bồi thường đất bị thu hồi nên khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường quyền sử dụng đất của ông B, chỉ đồng ý hỗ trợ đất bằng 40% x giá đất rừng sản xuất trên phần đất thu hồi tại Quyết định số 3862/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 về việc giải quyết khiếu nại. Quyết định này đã được niêm yết tại Ủy ban nhân dân thị trấn A vào ngày 19/8/2013. Tại đơn khởi kiện ông B cũng không kiện Quyết định giải quyết khiếu nại nên Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Ông B chấp nhận các quyết định thu hồi, phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại và chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P hỗ trợ theo đúng 40% giá đất rừng sản xuất theo quyết định số 3862,

hủy quyết định 6890 nên Hội đồng xét xử không xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan nêu trên.

[3.2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 6890/QĐ-UBND: Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3862/QĐ-UBND ngày 31/7/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã thống nhất giữa các cơ quan chuyên môn xem xét lập phương án hỗ trợ 40% giá đất rừng sản xuất cho ông Quách Văn B đối với diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 31/8/2006. Thời điểm này Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh K đang có hiệu lực pháp luật. Năm 2021, Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K không còn hiệu lực, nhưng Quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật và Thông báo số 518/TB-UBND ngày 30/11/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giao cho Ủy ban nhân dân thành phố P tiếp tục hỗ trợ theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND tỉnh K đối với 07 trường hợp đã có Quyết định giải quyết khiếu nại là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật (trong đó có trường hợp của ông Quách Văn B). Đối với giá hỗ trợ đất rừng sản xuất theo quy định tại Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND (điểm đ khoản 2 Điều 1) thì: Trường hợp được hỗ trợ về đất, nếu tại thời điểm phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư không có bảng giá đất rừng sản xuất thì tính = 50% giá bồi thường quyền sử dụng đất nông nghiệp tại cùng vị trí đất được hỗ trợ. Tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định hỗ trợ đối với ông Quách Văn B thì Bảng giá đất số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K đã có hiệu lực pháp luật. Tại khoản 2 Điều 5 của Quyết định đã nêu: “2. Giá đất rừng phòng hộ và rừng đặc dụng tính bằng giá đất rừng sản xuất liền kề hoặc giá đất rừng sản xuất tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề); đối với huyện P và huyện K tính bằng giá đất trồng cây lâu năm liền kề hoặc giá đất trồng cây lâu năm tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).” Như vậy, Ủy ban nhân dân thành phố P cần phải áp dụng đoạn 2 điểm b Điều 1 của Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND: Đối với các trường hợp không có giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, nhưng đã sử dụng đất ổn định sau ngày 18/6/1998 đến trước ngày 01/7/2004, kể cả những hộ có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp, được hỗ trợ bằng 40% giá đất rừng sản xuất. Ủy ban nhân dân thành phố P áp giá hỗ trợ cho ông B = 50% giá đất nông nghiệp tại vị trí đất hỗ trợ là chưa hỗ trợ đủ số tiền mà ông B được nhận hỗ trợ, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và buộc Ủy ban nhân dân thành phố P hỗ trợ bổ sung là có cơ sở.

[4] Từ các phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B là có căn cứ, đúng pháp luật; Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo nhưng cũng không cung cấp tài liệu, chứng nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Ủy ban nhân dân thành phố P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 186/2023/HC-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Cụ thể tuyên:

Áp dụng: Điều 158, Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh K; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định hỗ trợ bổ sung đối với ông Quách Văn B cho đủ số tiền 40% giá đất rừng sản xuất theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh K.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6890/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc bổ sung hỗ trợ đất đai cho ông Quách Văn B.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố P phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004492 ngày 07/12/2023 là đủ.

3. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (16b-TVN).

Nguyễn Văn Minh